

Số: /QĐ-LN-KH&HTQT

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Hướng dẫn tạm thời các hoạt động thích ứng với Quy định về quản lý việc nhập khẩu và xuất khẩu các sản phẩm hàng hóa không gây mất rừng và suy thoái rừng của Liên minh Châu Âu (EUDR) cho ngành hàng gỗ và sản phẩm gỗ

Căn cứ Quyết định số 1589/QĐ-BNN-TCCB ngày 19/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 Quy định hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam; Nghị định số 120/2024/ NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 327/QĐ-TTg ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 993/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch quốc gia triển khai Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản; Thông tư 22/2023/TTBNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1235/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/5/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Thành lập Nhóm công tác chung điều phối các hành động thích ứng với Quy định về quản lý việc nhập khẩu và xuất khẩu các sản phẩm hàng hóa gây mất rừng và suy thoái rừng của EU (EUDR);

Căn cứ Thông báo số 6530/TB-BNN-HTQT ngày 05/9/2024 của Văn phòng Bộ thông báo ý kiến kết luận của Bộ trưởng Lê Minh Hoan về việc thúc đẩy triển khai các hành động thích ứng với EUDR;

Theo đề nghị của Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác Quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn tạm thời các hoạt động thích ứng với Quy định về quản lý việc nhập khẩu và xuất khẩu các sản

phẩm hàng hóa không gây mất rừng và suy thoái rừng của Liên minh Châu Âu (sau đây viết tắt là EUDR) đối với ngành hàng gỗ và sản phẩm gỗ.

Điều 2. Giao Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, triển khai hướng dẫn cho các doanh nghiệp, địa phương theo quy định tại Điều 1 của Quyết định này; Tổng kết đánh giá kết quả thực hiện, đề xuất Cục Lâm nghiệp chỉnh sửa, bổ sung để hướng dẫn thống nhất trên phạm vi cả nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan và địa phương kịp thời phản ánh về Cục Lâm nghiệp để xem xét, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục Lâm nghiệp, Chi cục Kiểm lâm các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thứ trưởng Nguyễn Quốc Trị (để b/cáo);
- Vụ HTQT (để tổng hợp);
- Cục Kiểm lâm (để phối hợp);
- Chi cục Kiểm lâm các tỉnh/tp (để th/hiện);
- Lưu: VT, KH&HTQT.

CỤC TRƯỞNG

Trần Quang Bảo

HƯỚNG DẪN TẠM THỜI CÁC HOẠT ĐỘNG THÍCH ỨNG VỚI QUY ĐỊNH CỦA EUDR CHO NGÀNH HÀNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-LN-KH&HTQT ngày tháng 02 năm 2025 của Cục trưởng Cục Lâm nghiệp)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Giới thiệu về Hướng dẫn

Ngày 16/5/2023, Ủy ban Châu Âu đã thông qua Quy định Chống mất rừng rừng và suy thoái rừng (sau đây viết tắt là EUDR). Quy định này có hiệu lực từ ngày 29/6/2023, với thời điểm áp dụng là tháng 01/2026 đối với các doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu của Liên minh Châu Âu (EU), và từ tháng 6/2026 đối với SMEs. EUDR cấm các sản phẩm và hàng hóa gây mất rừng, suy thoái rừng và không tuân thủ pháp luật của quốc gia khai thác và xuất khẩu để nhập khẩu vào hoặc xuất khẩu từ thị trường EU. EUDR áp dụng đối với 7 ngành hàng gồm: gia súc chăn thả, ca cao, cà phê, dầu cọ, cao su, đậu nành và gỗ, cũng như những sản phẩm được sản xuất, chế biến từ nguyên liệu của các hàng hóa trên. Quy định này yêu cầu nghiêm ngặt về truy xuất nguồn gốc và trách nhiệm giải trình đối với chuỗi cung ứng của các sản phẩm trước khi nhập khẩu vào EU.

Hướng dẫn tạm thời các hoạt động thích ứng với EUDR tập trung vào các bước cơ bản mà chủ rừng, tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp (sau đây được gọi là các chủ thể) được khuyến khích cân nhắc khi triển khai thích ứng với EUDR đối với các hàng hóa trực tiếp xuất khẩu vào thị trường này từ Việt Nam. Các chủ thể căn cứ vào Hướng dẫn này để triển khai các hoạt động trong chuỗi cung ứng của mình nhằm đáp ứng được các yêu cầu của Quy định.

Hướng dẫn này không bắt buộc đối với các chủ thể trong chuỗi cung ngành gỗ và sản phẩm gỗ. Thông tin trong Hướng dẫn chỉ nhằm mục đích để các chủ thể tham khảo. Do EU chưa có hướng dẫn chi tiết, thông tin trong Hướng dẫn không đảm bảo chắc chắn rằng việc tuân thủ Hướng dẫn này đáp ứng được hoàn toàn các yêu cầu của EUDR. Thông tin trong Hướng dẫn có thể được cập nhật trong thời gian tới khi EU đưa ra các hướng dẫn cụ thể về thực hiện EUDR.

EUDR dựa trên trách nhiệm giải trình và thẩm định thực tế của từng chủ thể có liên quan đến lô hàng xuất khẩu từ thị trường Việt Nam sang thị trường EU. Hướng dẫn này không hàm ý đề xuất sử dụng một công cụ cụ thể nào cho quá trình này. Các chủ thể cân nhắc tự phát triển hoặc sử dụng các hệ thống hoặc công cụ mà các chủ thể cho là hiệu quả nhất trong chuỗi cung sản phẩm hàng hóa.

2. Phạm vi và đối tượng

2.1. Phạm vi

Hướng dẫn này đưa ra các khuyến cáo về các yêu cầu về thu thập thông tin, thiết lập hồ sơ và trách nhiệm giải trình của từng chủ thể trong chuỗi cung nhằm đáp ứng quy định EUDR cho ngành hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất

khẩu sang thị trường EU.

2.2. Đối tượng khuyến cáo

Chủ rừng, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân có các hoạt động trong chuỗi cung ứng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu vào thị trường EU.

3. Giải thích từ ngữ

Trong tài liệu này các từ ngữ được hiểu như sau:

- Rừng: là một hệ sinh thái bao gồm các loài thực vật rừng, động vật rừng, nấm, vi sinh vật, đất rừng và các yếu tố môi trường khác, trong đó thành phần chính là một hoặc một số loài cây thân gỗ, tre, nứa, cây họ cau có chiều cao được xác định theo hệ thực vật trên núi đất, núi đá, đất ngập nước, đất cát hoặc hệ thực vật đặc trưng khác; diện tích liên vùng từ 0,3 ha trở lên; độ tàn che từ 0,1 trở lên.¹

- Mất rừng: là tình trạng rừng bị chuyển đổi sang mục đích sử dụng nông nghiệp hoặc mục đích khác, dù cho có hợp pháp hay không hợp pháp².

- Suy thoái rừng: là tình trạng rừng bị suy giảm về hệ sinh thái rừng, làm giảm chức năng của rừng³.

- Đánh giá rủi ro: là quá trình tổng thể bao gồm nhận diện rủi ro, phân tích rủi ro và định mức rủi ro các sản phẩm hàng hóa không tuân thủ quy định của EUDR có được đưa vào thị trường hoặc xuất khẩu sang EU⁴.

- Giảm thiểu rủi ro: là các quy trình và biện pháp nhằm giảm thiểu khả năng các sản phẩm hàng hóa không tuân thủ quy định của EUDR được đưa vào thị trường hoặc xuất khẩu sang EU⁵.

- Thẩm định: là quy trình kiểm tra bao gồm các bước thu thập thông tin, đánh giá rủi ro và giảm thiểu rủi ro để đảm bảo các sản phẩm hàng hóa không gây ra hoặc không liên quan đến mất rừng và suy thoái rừng.

- Khai báo: là quá trình các nhà nhập khẩu/đơn vị được nhà nhập khẩu ủy thác gửi báo cáo thẩm định đến hệ thống thông tin của Ủy ban Châu Âu trước khi đưa sản phẩm vào thị trường EU.

- Trách nhiệm giải trình: là yêu cầu các bên liên quan phải chịu trách nhiệm đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của EUDR, bao gồm chứng minh việc tuân thủ, đánh giá và giảm thiểu rủi ro, lưu trữ hồ sơ và tài liệu, chịu trách nhiệm pháp lý về các thông tin do mình cung cấp.

- Chuỗi cung ngành gỗ và sản phẩm gỗ: bao gồm các bước và quy trình liên quan đến trồng rừng, khai thác, chế biến, phân phối và tiêu thụ gỗ, từ khi gỗ được khai thác cho đến khi ra sản phẩm hàng hóa đến tay người tiêu dùng cuối cùng.

¹ Điều 2, Luật Lâm nghiệp 2017

² Điều 2[2] EUDR

³ Điều 2, Luật Lâm nghiệp 2017

⁴ Tiêu mục 4.3 Mục 4 Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 31010:2013

⁵ Tham khảo Khoản 21 Điều 2 Thông tư 41/2016/TT-NHNN

- Mã HS của sản phẩm gỗ: là mã số phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu ghi trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do Bộ Tài chính ban hành theo quy định của Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành⁶.

- Tọa độ địa lí lô rừng: là vị trí địa lí của một lô rừng được mô tả bằng tọa độ vĩ độ và kinh độ theo hệ quy chiếu nhất định, tương ứng với ít nhất một điểm (vĩ độ và kinh độ), điểm tọa độ được sử dụng ít nhất sáu chữ số thập phân⁷.

4. Nguyên tắc chung

- Nguyên liệu gỗ và các sản phẩm gỗ phải được sản xuất phù hợp với quy định pháp luật của Việt Nam (đối với nguồn cung nguyên liệu gỗ trong nước) và nước xuất khẩu (đối với nguồn cung nguyên liệu gỗ nhập khẩu); và không được trồng trên diện tích đất có nguồn gốc gây mất rừng và suy thoái rừng sau ngày 31 tháng 12 năm 2020.

- Quá trình khai thác, sơ chế, chế biến, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ không gây mất rừng và suy thoái rừng sau ngày 31 tháng 12 năm 2020.

- Để đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của EUDR, các nhà xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ nên chuẩn bị và cung cấp đầy đủ thông tin, đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc theo chuỗi và thực hiện các yêu cầu về trách nhiệm giải trình (nếu có) cho nhà nhập khẩu đối với các sản phẩm vào thị trường EU (EU).

II. CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI THÍCH ỨNG VỚI EUDR

Bước 1: Đánh giá sự sẵn sàng và xây dựng kế hoạch hành động

- Đánh giá khả năng đáp ứng EUDR của doanh nghiệp khi xuất khẩu hàng hóa vào thị trường EU.

- Dự thảo các kịch bản chuỗi cung ứng mang tính chỉ dẫn cho các sản phẩm hàng hóa, sản phẩm xuất khẩu vào thị trường EU.

- Đánh giá năng lực nhân sự tham gia vào các hoạt động bán hàng/xuất khẩu cho thị trường EU để xây dựng chương trình đào tạo, nâng cao năng lực.

- Dựa trên các đánh giá năng lực hiện tại của doanh nghiệp, các kịch bản chuỗi cung, năng lực nhân sự, doanh nghiệp xây dựng kế hoạch hành động của doanh nghiệp để đáp ứng các yêu cầu EUDR. Xác định các hoạt động và nguồn lực cần thiết để thực hiện.

Bước 2: Xây dựng hệ thống thẩm định (Hệ thống trách nhiệm giải trình)

- Xác định, tiến hành thí điểm với các nhà cung cấp nguyên liệu/sản phẩm có liên quan đến EUDR.

- Xác định tất cả các nhà cung cấp cấp 1, hoặc các sản phẩm hàng hóa trong phạm vi tuân thủ theo mã hải quan HS.

⁶ Tiêu mục 1.3 Mục 1 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 66:2018/BTNMT

⁷ Điều 2[28] EUDR

- Phân công trách nhiệm, phân bổ nhân lực và nguồn lực cho trách nhiệm giải trình hoặc các nhà cung cấp dịch vụ khác.

- Thu thập thông tin: đảm bảo thu thập đầy đủ thông tin bắt buộc tuân thủ EUDR tại Phụ lục 2, các yêu cầu quản lý thông tin đáp ứng yêu cầu EUDR.

- Chứng minh việc thẩm định trách nhiệm đã được áp dụng: mô tả cách doanh nghiệp sẽ triển khai báo cáo thẩm định trách nhiệm, bao gồm đánh giá mức độ sẵn sàng của nhà cung cấp, đánh giá chất lượng thẩm định trách nhiệm của nhà cung cấp, đánh giá hiệu quả thực hiện thẩm định trách nhiệm thông qua kiểm tra đột xuất/ngẫu nhiên các tuyên bố thẩm định.

- Đánh giá rủi ro: mô tả cách doanh nghiệp tiến hành đánh giá rủi ro để xác định các rủi ro tiềm ẩn về việc không tuân thủ EUDR.

- Giảm thiểu rủi ro: mô tả quy trình doanh nghiệp áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro đủ để sản phẩm hàng hóa không có rủi ro đáng kể trước khi đưa ra thị trường.

- Lưu giữ hồ sơ: EUDR yêu cầu các doanh nghiệp lưu giữ hồ sơ trong 5 năm. Quy trình này nên có quy định rõ ràng về các loại hồ sơ, phạm vi, trách nhiệm và các nhiệm vụ liên quan đến việc lưu giữ và duy trì hồ sơ cho hệ thống thẩm định trách nhiệm của doanh nghiệp.

- Kiểm toán độc lập: mô tả cách doanh nghiệp quản lý nghĩa vụ kiểm tra chính sách, kiểm soát và quy trình nội bộ của doanh nghiệp.

- Báo cáo nội bộ và đánh giá nội bộ hàng năm: mô tả cách thức thực hiện đánh giá nội bộ hàng năm.

- Báo cáo công khai hàng năm: mô tả cách doanh nghiệp thực hiện báo cáo công khai hàng năm về hệ thống thẩm định. Báo cáo công khai hàng năm bao gồm: tóm tắt thông tin được đề cập trong Điều 9 (1) EUDR, các điểm (a), (b) và (c); kết luận các đánh giá rủi ro và các biện pháp giảm thiểu rủi ro đã thực hiện; mô tả quy trình tham vấn cộng đồng địa phương và các tổ chức ngoài nhà nước có liên quan.

- Xây dựng chương trình, tài liệu và triển khai đào tạo nhân viên tuân thủ thích ứng EUDR.

Bước 3: Vận hành hệ thống thẩm định và tuyên bố trách nhiệm giải trình theo yêu cầu của EUDR

- Nhà cung cấp tại Việt Nam/ngoài Việt Nam cam kết tuân thủ các yêu cầu của hệ thống trách nhiệm giải trình theo EUDR. Xác định trách nhiệm giải trình đã được áp dụng cho doanh nghiệp nhập khẩu/phân phối/bán lẻ.

- Thu thập thông tin: Tham khảo các thông tin cần thu thập tại Phụ lục 1.

- Hoàn thành đánh giá rủi ro: Tham khảo cách đánh giá rủi ro tại Phụ lục 3.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro: Tham khảo các biện pháp giảm thiểu rủi ro tại Phụ lục 3.

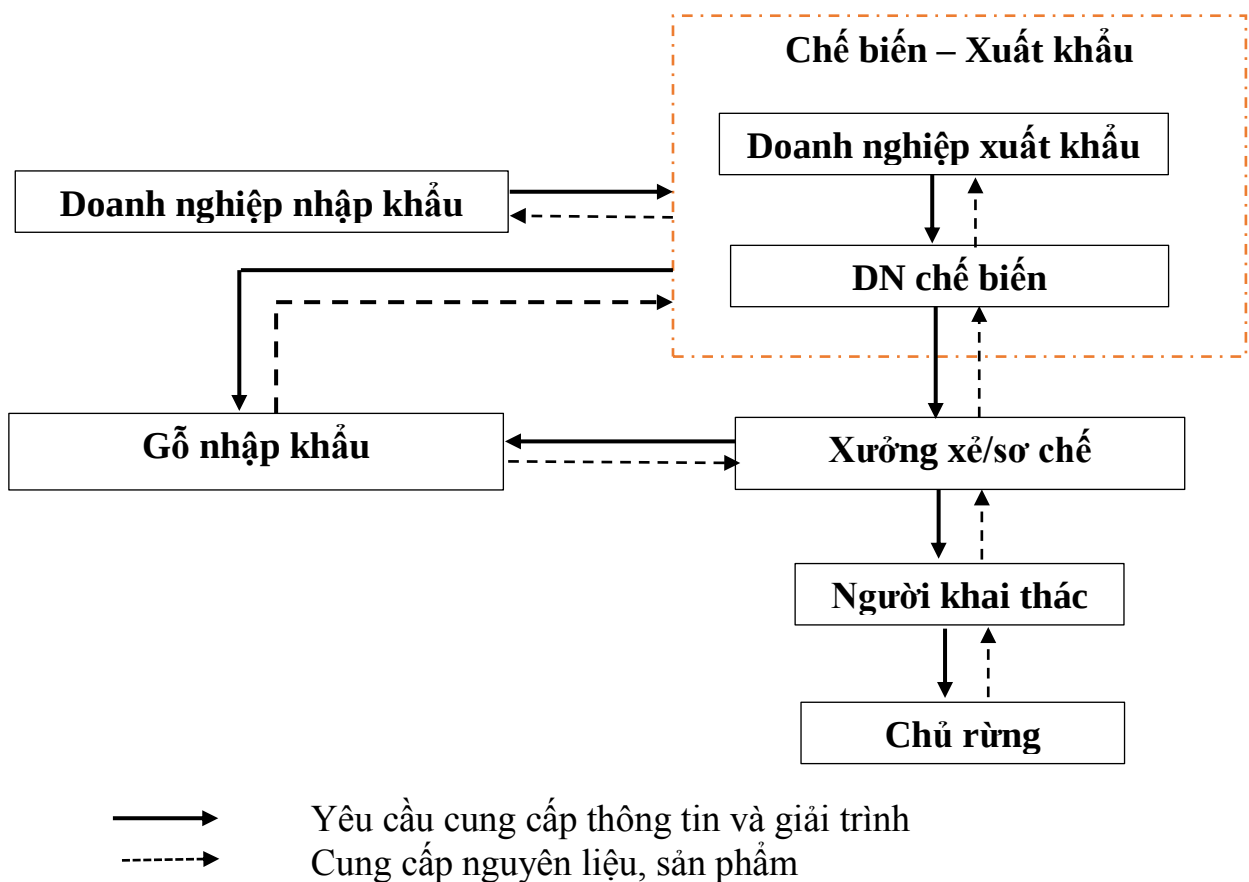
- Lưu trữ hồ sơ và thông tin liên quan tới thẩm định trách nhiệm trong vòng 5 năm (trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu tại EU ủy quyền) hoặc cung cấp hồ sơ gỗ hợp pháp cho doanh nghiệp nhập khẩu.

- Đăng ký tuyên bố trách nhiệm giải trình (trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu tại EU ủy quyền) hoặc cung cấp hồ sơ gỗ hợp pháp cho doanh nghiệp nhập khẩu đăng ký tuyên bố trách nhiệm giải trình.

III. KHUNG HƯỚNG DẪN THÍCH ỨNG VỚI EUDR

1. Chuỗi cung ngành hàng gỗ và sản phẩm gỗ

Sơ đồ dưới đây biểu thị chuỗi cung tổng quát của ngành hàng gỗ và sản phẩm từ gỗ.



Hình 1: Sơ đồ tổng quát chuỗi cung ngành hàng gỗ và sản phẩm gỗ

Tất cả các bên tham gia trong chuỗi cung ứng cần phải thực hiện hoạt động hoặc thu thập loại tài liệu, thông tin cụ thể. Các bên tham gia chuỗi cung xuất khẩu đi EU cần thu thập thông tin và các bằng chứng pháp lý về hoạt động của mình. Yêu cầu về thông tin được trình bày tại Phụ lục 01.

Doanh nghiệp xuất khẩu từ Việt Nam sử dụng nguồn gỗ rừng trồng trong nước hoặc nguồn gỗ nguyên liệu nhập khẩu. Hiện nay, gỗ rừng trồng trong nước có nguồn gốc từ các hộ gia đình và từ các đơn vị chủ rừng là tổ chức (ví dụ các công ty lâm nghiệp, các ban quản lý rừng). Gỗ từ các chủ rừng này và từ nguồn

nhập khẩu thường đi qua hệ thống các xưởng xẻ và/hoặc các công ty chế biến trước khi đi vào khâu xuất khẩu sang EU. Theo yêu cầu của EUDR, các bên tham gia các khâu này cần phải tuân thủ đầy đủ với các yêu cầu của EUDR, bao gồm yêu cầu về thu thập và lưu trữ thông tin và các hoạt động của mình.

2. Yêu cầu các chủ thể trong từng chuỗi cung cung cấp thông tin và giải trình

Tại khâu trồng rừng và khai thác gỗ

2.1. Đối với chủ rừng:

a) Thông tin cần thu thập về chủ rừng:

- Thông tin cần thu thập từ chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người đại diện của nhóm hộ, tổ hợp tác cung cấp thông tin, gồm: Họ và tên chủ rừng hoặc người đại diện, giới tính, tuổi, địa chỉ của hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú, số điện thoại, e-mail (nếu có), số thẻ căn cước công dân, ngày cấp và nơi cấp.

- Đối với chủ rừng là tổ chức: Tên tổ chức, tên người đại diện theo quy định pháp luật, số đăng ký doanh nghiệp, mã số thuế, địa chỉ, số điện thoại và e-mail (nếu có) của tổ chức.

b) Thông tin về quyền sử dụng đất hợp pháp của chủ rừng đối với từng lô/thửa đất nơi gỗ được trồng và khai thác:

- Đối với các thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSDĐ): Số phát hành, số vào sổ cấp số thửa đất; số tờ bản đồ; số hiệu tiểu khu, khoảnh, lô (thửa); mục đích sử dụng đất và diện tích đất (ha).

- Đối với các thửa đất được giao theo Quyết định giao đất (theo Nghị định số 02/CP của Chính phủ ngày 15/01/1994 ban hành bản quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp): Cung cấp số, ngày tháng và cấp có thẩm quyền ký quyết định giao đất, số hiệu tiểu khu, khoảnh, lô (thửa); mục đích sử dụng đất và diện tích đất (ha).

- Đối với thửa đất có Hợp đồng giao khoán (theo Nghị định số 01/CP của Chính phủ ngày 04/01/1995 ban hành bản quy định về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước; hoặc Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông lâm nghiệp nhà nước): số hợp đồng và ngày, tháng, năm ký hợp đồng.

- Đối với đất có Hợp đồng thuê đất trồng rừng với chủ đất: cung cấp số, ngày tháng hợp đồng cho thuê đất; số hiệu tiểu khu, khoảnh, lô (thửa); mục đích sử dụng đất và diện tích đất (ha), bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/hợp đồng giao/koán của chủ đất.

- Đối với các loại đất khác: Giấy cam kết về sử dụng đất lâm nghiệp không tranh chấp được UBND cấp xã xác nhận. Mẫu Giấy cam kết tại Phụ lục 02 của Hướng dẫn này.

c) Thông tin về lô rừng:

- Tên thông thường và tên khoa học (nếu có) của loài cây trồng trên đất; năm trồng; phương thức trồng; mật độ trồng; chu kỳ kinh doanh (nếu có).

- Lô rừng khai thác: diện tích lô rừng khai thác, năm khai thác; loại chứng chỉ rừng quản lý rừng bền vững hoặc mã số rừng trồng nguyên liệu đã được cấp (nếu có); dự kiến sản lượng.

d) Thông tin về tọa độ địa lí:

- Đối với lô rừng nơi gỗ được khai thác/lô đất có diện tích $\geq 4,0$ ha: xác định vị trí tọa độ địa lí của toàn bộ các điểm đa giác tạo thành lô rừng (tọa độ khép góc - polygon). Thông tin thu thập bao gồm toàn bộ các điểm khép góc để mô tả chu vi của lô đất/rừng.

- Đối với lô rừng nơi gỗ được khai thác/lô đất có diện tích $< 4,0$ ha: xác định tọa độ địa lí một điểm thuộc lô rừng cách ranh giới đường biên tối thiểu 5m để đảm bảo sai số thiết bị đo, hoặc có thể sử dụng một tọa độ khép góc (polygon).

đ) Cam kết của chủ rừng: Chủ rừng ký cam kết tuân thủ pháp luật về đất đai, không gây mất rừng tự nhiên để trồng rừng, thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước (nếu có), khai báo đúng sản lượng khai thác và cam kết cho phép các bên mua gỗ của mình để chế biến và tiêu thụ được sử dụng các thông tin về lô đất và gỗ khai thác từ lô đất của mình để giải trình với bên thứ ba. Mẫu Cam kết tại Phụ lục 03 kèm theo Hướng dẫn này.

2.2. Đối với tổ chức hoặc cá nhân khai thác gỗ (mua cây đứng):

a) Thu thập toàn bộ hồ sơ của từng chủ rừng khai thác gỗ quy định tại khoản 2.1 mục III Hướng dẫn này;

b) Cung cấp các thông tin bổ sung như sau:

- Thông tin về tổ chức hoặc cá nhân thực hiện việc khai thác gỗ:

+ Trường hợp là cá nhân: Cần cung cấp thông tin về họ và tên, tuổi, địa chỉ, số căn cước công dân, ngày cấp, nơi cấp, số điện thoại, vv...

+ Trường hợp là tổ chức: Cần cung cấp tên tổ chức, tên người đại diện pháp luật, số đăng ký kinh doanh, mã số thuế, địa chỉ, số điện thoại và email (nếu có).

- Thông tin về quyền sử dụng đất không phải đất rừng/đất lâm nghiệp: Giấy CNQSDĐ, Quyết định cấp phép đầu tư gắn với giao quyền sử dụng đất/thuê đất, Quyết định cho thuê đất kinh doanh, Hợp đồng thuê đất/mặt bằng với chủ sử dụng đất, Giấy cam kết sử dụng đất hợp pháp và không tranh chấp được cấp thẩm quyền xác nhận.

- Hợp đồng mua rừng với chủ rừng, phiếu chi hoặc giấy biên nhận trả tiền (nếu có);

- Bản sao Phương án khai thác gỗ được phê duyệt (nếu có);
- Bảng kê lâm sản, bao gồm các thông tin về sản lượng, chủng loại gỗ có xác nhận của Cơ quan Kiểm lâm sở tại theo quy định tại Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản và các văn bản thay thế (nếu có).
- Cung cấp các tọa độ địa lý một điểm hoặc tọa độ các điểm của tuyến đường vận xuất, vận chuyển, bãi tập kết gỗ (bãi 1) theo quy định tại điểm d mục 3.2.1 Hướng dẫn này.
- Cam kết của người khai thác gỗ: Cam kết tuân thủ pháp luật về thuế, môi trường, an toàn lao động; cam kết không gây mất rừng tự nhiên trong quá trình khai thác, vận xuất và vận chuyển, vv...); khai báo đúng sản lượng khai thác; cam kết tôn trọng văn hóa, tập tục của địa phương; thực hiện các đền bù thỏa đáng nếu xảy ra thiệt hại cho tổ chức, cá nhân trong quá trình khai thác, vận chuyển. Mẫu cam kết tại phụ lục 03 kèm theo Hướng dẫn này.

2.3. Đối với gỗ nguyên liệu nhập khẩu

a) Gỗ tròn

- Thông tin cần thu thập về người bán gỗ bao gồm: tên tổ chức, tên người địa diện pháp luật, số đăng ký kinh doanh, mã số thuế, địa chỉ, số điện thoại và email (nếu có).
- Thông tin về quyền sử dụng đất không phải đất rừng/đất lâm nghiệp: Giấy CNQSDĐ, Quyết định cấp phép đầu tư gắn với giao quyền sử dụng đất/thuê đất, Quyết định cho thuê đất kinh doanh, Hợp đồng thuê đất/mặt bằng với chủ sử dụng đất, Giấy cam kết sử dụng đất hợp pháp và không tranh chấp được cấp thẩm quyền xác nhận.
- Thông tin về nguồn gốc lâm sản: loại gỗ, nơi trồng, năm trồng, năm khai thác, tọa độ địa lý của lô đất nơi gỗ được khai thác theo quy định của EUDR; loại chứng chỉ quản lý rừng bền vững đã được cấp (nếu có).
- Hợp đồng, hóa đơn, phiếu xuất kho của người bán gỗ;
- Bộ hồ sơ hải quan theo quy định của pháp luật về Hải quan;
- Bảng kê gỗ nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.

b) Gỗ xẻ

- Thông tin cần thu thập về người bán gỗ bao gồm: tên tổ chức, tên người địa diện pháp luật, số đăng ký kinh doanh, mã số thuế, địa chỉ, số điện thoại và email (nếu có).
- Thông tin về nguồn gốc lâm sản: loại gỗ, nơi trồng, năm trồng, năm khai

thác, tọa độ địa lí của lô đất nơi gỗ được khai thác theo quy định của EUDR; loại chứng chỉ quản lý rừng bền vững đã được cấp (nếu có).

- Thông tin về xưởng xẻ và bằng chứng về hệ số chuyển đổi từ gỗ tròn sang gỗ xẻ cũng như các bản chứng về tuân thủ luật pháp của quốc gia sở tại.

- Hợp đồng, hóa đơn, phiếu xuất kho của người bán gỗ;

- Bộ hồ sơ hải quan theo quy định của pháp luật về Hải quan;

- Bảng kê gỗ nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.

2.4. Đối với tổ chức hoặc cá nhân chủ xưởng xẻ hoặc sơ chế gỗ

Thông tin cần thu thập tại khâu xẻ /sơ chế gỗ bao gồm

- a) Thông tin về hồ sơ của từng lô rừng nơi gỗ được khai thác để đưa vào xưởng xẻ/sơ chế và của tổ chức hoặc cá nhân khai thác gỗ trên diện tích lô đất đó;

- b) Các thông tin bổ sung cần thu thập bao gồm:

- Thông tin về tổ chức hoặc cá nhân chủ xưởng xẻ hoặc sơ chế gỗ:

- + Trường hợp là cá nhân, thông tin cần thu thập bao gồm: Tên, địa chỉ, số căn cước công dân, ngày cấp, nơi cấp, số điện thoại, vv...

- + Trường hợp là tổ chức, thông tin cần thu thập bao gồm: tên tổ chức, tên người đứng đầu, số đăng ký kinh doanh, mã số thuế, địa chỉ, số điện thoại và email (nếu có).

- Thông tin về quyền sử dụng đất không phải đất rừng/đất lâm nghiệp: Giấy CNQSDĐ, Quyết định cấp phép đầu tư gắn với giao quyền sử dụng đất/thuê đất, Quyết định cho thuê đất kinh doanh, Hợp đồng thuê đất/mặt bằng với chủ sử dụng đất, Giấy cam kết sử dụng đất hợp pháp và không tranh chấp được cấp thẩm quyền xác nhận.

- Hợp đồng mua gỗ với bên khai thác gỗ, hóa đơn mua gỗ; phiếu nhập và xuất kho theo từng công đoạn xẻ, sấy và cho doanh nghiệp chế biến gỗ, vv...

- Sổ theo dõi lâm sản theo quy định tại Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023) và văn bản thay thế (nếu có).

- Hợp đồng mua, bán gỗ nhập khẩu, bảng kê lâm sản xuất bán, hóa đơn, phiếu xuất kho của người bán gỗ, hồ sơ gỗ nhập khẩu của doanh nghiệp nhập khẩu gỗ theo quy định tại quy định tại Điều 7 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 quy định hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ).

- Cung cấp các tọa độ điểm hoặc tọa độ khép góc (polygon) của xưởng xẻ, nơi phơi hoặc sấy gỗ (nếu có) theo hướng dẫn tại điểm d mục 3.2.1 (nếu khách hàng yêu cầu).

2.5. Đối với doanh nghiệp chế biến gỗ

a) Thông tin về hồ sơ của chủ rừng ở từng lô rừng nơi gỗ được khai thác, thông tin về tổ chức hoặc cá nhân khai thác gỗ và thông tin về xưởng xẻ/sơ chế gỗ cung cấp gỗ đầu vào cho doanh nghiệp chế biến;

b) Các thông tin bổ sung cần thu thập bao gồm:

- Thông tin của doanh nghiệp chế biến gỗ: tên tổ chức, tên người đứng đầu, số đăng ký kinh doanh, mã số thuế, địa chỉ, số điện thoại và email (nếu có).

- Thông tin về quyền sử dụng đất không phải đất rừng/đất lâm nghiệp: Giấy CNQSDĐ, Quyết định cấp phép đầu tư gắn với giao quyền sử dụng đất/thuê đất, Quyết định cho thuê đất kinh doanh, Hợp đồng thuê đất/mặt bằng với chủ sử dụng đất, Giấy cam kết sử dụng đất hợp pháp và không tranh chấp được cấp thẩm quyền xác nhận.

- Hợp đồng mua gỗ với chủ xưởng xẻ/sơ chế, hóa đơn mua gỗ, phiếu xuất kho; các phiếu nhập và xuất kho.

- Sổ theo dõi lâm sản theo quy định tại Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023) và văn bản thay thế (nếu có).

- Cung cấp các tọa độ điểm hoặc tọa độ khép góc của nhà máy chế biến gỗ theo hướng dẫn tại điểm d khoản 2 mục III Hướng dẫn này (nếu khách hàng yêu cầu).

- Các loại chứng nhận (nếu có): chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm (CoC), chứng nhận về môi trường, chứng nhận về an toàn, vv...

- Bằng chứng tuân thủ pháp luật trong sản xuất, kinh doanh: giấy phép kinh doanh, minh chứng nộp thuế; giấy phép phòng cháy, giấy phép môi trường, giấy phép an toàn (nếu có), vv....

2.6. Đối với doanh nghiệp xuất khẩu gỗ

a) Thông tin thu thập bao gồm hồ sơ của từng chủ rừng nơi gỗ được khai thác, tổ chức hoặc cá nhân khai thác gỗ, xưởng xẻ/sơ chế gỗ và doanh nghiệp chế biến gỗ;

b) Các thông tin bổ sung cần thu thập bao gồm:

- Thông tin của doanh nghiệp xuất khẩu: tên tổ chức, tên người đứng đầu, số đăng ký kinh doanh, mã số thuế, địa chỉ, số điện thoại và email (nếu có).

- Thông tin về quyền sử dụng đất không phải đất rừng/đất lâm nghiệp: Giấy CNQSDĐ, Quyết định cấp phép đầu tư gắn với giao quyền sử dụng đất/thuê đất, Quyết định cho thuê đất kinh doanh, Hợp đồng thuê đất/mặt bằng với chủ sử dụng đất, Giấy cam kết sử dụng đất hợp pháp và không tranh chấp được cấp thẩm quyền xác nhận.

- Hợp đồng mua gỗ với doanh nghiệp chế biến gỗ hoặc xưởng xẻ, hóa đơn mua sản phẩm gỗ, phiếu xuất kho của doanh nghiệp chế biến; các phiếu nhập và

xuất kho trong quá trình nhập, xuất hàng cho đối tác.

- Bảng kê gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu theo quy định tại Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ).

- Các loại giấy tờ thủ tục xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ theo quy định: Vận đơn (Bill), Chứng nhận xuất xứ (CO), Chứng nhận kiểm dịch thực vật (Phyto), Tờ khai hải quan, vv....

IV. ĐÁNH GIÁ RỦI RO VÀ CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU

Theo yêu cầu của EUDR, các Doanh nghiệp xuất khẩu vào EU cần đánh giá rủi ro trong toàn bộ chuỗi cung của mình và từ đó đưa ra các biện pháp và hành động can thiệp để giảm thiểu rủi ro. Hai mảng rủi ro chính mà Doanh nghiệp xuất khẩu cần đánh giá: (1) Rủi ro có liên quan tới mất rừng và suy thoái rừng, và (2) Rủi ro về vi phạm pháp luật của Việt Nam.

1. Giải trình về rủi ro mất rừng

- Rủi ro loài gỗ (trong nước, nhập khẩu)
- Rủi ro về sản phẩm (thành phần gỗ, loại gỗ, vật liệu compotsite gỗ, vv...).
- Rủi ro về chuỗi cung ứng;
- Rủi ro về nhà cung cấp
- Rủi ro về dòng sản phẩm.
- Rủi ro về gây mất rừng và suy thoái rừng trong toàn chuỗi.

2. Giải trình về rủi ro tuân thủ pháp luật Việt Nam

- Quyền sử dụng đất,
- Quy định về thuế, chống tham nhũng, thương mại và hải quan;
- Bảo vệ môi trường;
- An toàn, sức khỏe
- Quyền con người, quyền của người lao động, sử dụng lao động trẻ em.
- Thương mại và vận tải Hoạt động thương mại và vận chuyển sản phẩm; các hạn chế và lệnh trừng phạt thương mại hiện hành; xuất khẩu và/hoặc nhập khẩu sản phẩm, vv....

- Quyền của bên thứ ba (Quyền của người dân địa phương: sở hữu và quản lý đất đai; Quyền theo phong tục và quyền cộng đồng, vv...)

- Các quy tắc liên quan đến rừng, bao gồm quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, liên quan trực tiếp đến việc khai thác gỗ.

Mẫu đánh giá rủi ro và các biện pháp giảm thiểu được mô tả chi tiết tại Phụ lục 04 kèm theo Hướng dẫn này.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp có liên quan đến từng khâu trong chuỗi cung ngành hàng gỗ và sản phẩm gỗ căn cứ Hướng dẫn này để thu thập và lưu giữ thông tin, chuẩn bị sẵn sàng để minh chứng sản phẩm hàng hóa được sản xuất không gây mất rừng.

2. Cục Lâm nghiệp chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan và địa phương tổ chức khuyến cáo các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp thực hiện Hướng dẫn này; kịp thời phát hiện các vướng mắc để chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện Hướng dẫn để hỗ trợ cho chủ rừng, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thích ứng với quy định của EUDR.

3. Cơ quan kiểm lâm cấp tỉnh có trách nhiệm công khai các bản đồ ranh giới rừng tính đến ngày 31/12/2020, bản đồ quy hoạch lâm nghiệp trong quy hoạch lâm nghiệp quốc gia và quy hoạch tỉnh, bản đồ hiện trạng rừng tại thời điểm cần đối chiếu, so sánh; Tổ chức đánh giá và công bố mức độ rủi ro từng vùng nguyên liệu đưa vào sản xuất để doanh nghiệp biết và có biện pháp giảm thiểu, đề xuất UBND cấp có thẩm quyền thực hiện các giải pháp hạn chế rủi ro vùng nguyên liệu, các giải pháp phát triển rừng, chế biến và thương mại gỗ và các sản phẩm gỗ tuân thủ EUDR; Hướng dẫn UBND cấp xã:

a) Xác nhận các lô rừng sản xuất trên đất hợp pháp đối với cộng đồng, nhóm hộ và hộ gia đình cá nhân trong trường hợp lô đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc chưa được giao đất, giao rừng, khoán rừng theo quy định của pháp luật hiện hành theo mẫu tại Phụ lục 02;

b) Xác nhận cam kết tuân thủ quy định pháp luật của chủ rừng và các tổ chức, cá nhân thu mua rừng để khai thác gỗ theo mẫu tại Phụ lục 03.

4. Cơ quan Kiểm lâm cấp huyện thực hiện hướng dẫn lập và xác nhận bảng kê lâm sản theo quy định tại Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023) và văn bản thay thế (nếu có).

5. Các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức xây dựng tài liệu chi tiết, đào tạo, tập huấn, hướng dẫn các chủ rừng, các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp có liên quan trong chuỗi cung từng sản phẩm hàng hóa trong ngành gỗ và sản phẩm gỗ thích ứng với EUDR theo quy định tại Hướng dẫn này./.

CỤC LÂM NGHIỆP

Phụ lục 01: Tổng hợp các yêu cầu cung cấp thông tin của từng chủ thể theo chuỗi cung ngành gỗ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-LN-KH&HTQT ngày tháng 02 năm 2025 của Cục trưởng Cục Lâm nghiệp)

TT	Các yêu cầu để đáp ứng quy định EUDR	Chủ rừng	Khai thác	Xưởng xẻ/sơ chế	DN chế biến	DN xuất khẩu	DN nhập khẩu	Hướng dẫn chi tiết
1	Thông tin về tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp	☒	☒	☒	☒	☒	☒	- Đối với cá nhân: Họ tên hoặc người đại diện, giới tính, tuổi, địa chỉ thường trú /tạm trú, điện thoại, e-mail (nếu có), số thẻ căn cước công dân, ngày cấp và nơi cấp - Đối với tổ chức: Tên tổ chức, người đại diện pháp luật, số đăng ký kinh doanh, mã số thuế, địa chỉ, số điện thoại và e-mail (nếu có)
2	Thông tin về quyền sử dụng đất rừng/đất lâm nghiệp	☒						Một trong các loại giấy tờ quy định tại Mục 4.2.1.a: Giấy CNQSDĐ, Quyết định giao đất, Hợp đồng giao khoán hoặc cho thuê đất, Giấy cam kết sử dụng đất hợp pháp và không tranh chấp được cấp thẩm quyền xác nhận
3	Thông tin về quyền sử dụng đất không phải đất rừng/đất lâm nghiệp		☒	☒	☒	☒	☒	Một trong các loại giấy tờ sau: Giấy CNQSDĐ, Quyết định cấp phép đầu tư gắn với giao quyền sử dụng đất/thuê đất, Quyết định cho thuê đất kinh doanh, Hợp đồng thuê đất/mặt bằng với chủ sử dụng đất, Giấy cam kết sử dụng đất hợp pháp và không tranh chấp được cấp thẩm quyền xác nhận
4	Thông tin về lô rừng	☒						- Tên phổ thông và tên khoa học, năm trồng, mật độ trồng, phương thức trồng, chu kỳ kinh doanh
5	Thông tin về nguồn gốc gỗ (cây đứng để khai thác)		☒	☒				- Tên phổ thông và tên khoa học của cây gỗ - Hợp đồng mua rừng, phiếu chi hoặc giấy biên nhận - Bảng kê lâm sản có xác nhận của Cơ quan Kiểm lâm sở tại
6	Thông tin về nguồn gốc gỗ nguyên liệu			☒	☒	☒		- Tên phổ thông và tên khoa học của gỗ nguyên liệu - Sổ theo dõi lâm sản theo quy định tại Thông tư 26/2022/TTBNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản

TT	Các yêu cầu để đáp ứng quy định EUDR	Chủ rừng	Khai thác	Xưởng xẻ/sơ chế	DN chế biến	DN xuất khẩu	DN nhập khẩu	Hướng dẫn chi tiết
								- Hợp đồng mua bán với nhà cung cấp, hóa đơn, phiếu nhập-xuất kho
7	Thông tin của gỗ nhập khẩu				☒	☒	☒	- Thông tin về người bán gỗ - Thông tin về nguồn gốc lâm sản: Tên phổ thông và tên khoa học của gỗ nguyên liệu, nơi trồng, năm trồng, năm khai thác, tọa độ địa lí, chứng chỉ quản lý rừng bền vững đã được cấp (nếu có). - Bộ hồ sơ hải quan theo quy định của pháp luật về Hải quan - Bảng kê gỗ nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam - Hợp đồng, hóa đơn, phiếu xuất kho của người bán gỗ;
8	Tọa độ địa lí của lô rừng khai thác	☒						- Lô rừng < 4,0 ha: Tọa độ trung tâm hoặc tọa độ khép góc - Lô rừng $\geq$ 4,0 ha: Tọa độ khép góc (polygon)
9	Tọa độ bãi tập kết, tuyến đường vận chuyển, vận xuất		☒					- Diện tích < 4,0 ha: Tọa độ trung tâm hoặc tọa độ khép góc - Diện tích $\geq$ 4,0 ha: Tọa độ khép góc (polygon)
10	Tọa độ của nhà máy, xưởng chế biến, công ty		☒	☒	☒	☒	☒	- Diện tích < 4,0 ha: Tọa độ trung tâm hoặc tọa độ khép góc - Diện tích $\geq$ 4,0 ha: Tọa độ khép góc (polygon)
11	Hồ sơ cần thu thập từ nhà cung cấp		☒	☒	☒	☒	☒	Tổ chức/cá nhân khai thác gỗ: hồ sơ của từng chủ rừng khai thác gỗ Chủ xưởng xẻ: hồ sơ của từng chủ rừng khai thác gỗ và của tổ chức hoặc cá nhân khai thác gỗ Doanh nghiệp chế biến gỗ: hồ sơ của từng chủ rừng, tổ chức hoặc cá nhân

TT	Các yêu cầu để đáp ứng quy định EUDR	Chủ rừng	Khai thác	Xưởng xẻ/sơ chế	DN chế biến	DN xuất khẩu	DN nhập khẩu	Hướng dẫn chi tiết
								khai thác gỗ, xưởng xẻ/sơ chế gỗ; Doanh nghiệp xuất khẩu: hồ sơ của từng chủ rừng, tổ chức hoặc cá nhân khai thác gỗ, xưởng xẻ/sơ chế gỗ và doanh nghiệp chế biến gỗ;
12	Thời gian khai thác gỗ hoặc sản xuất sản phẩm	☒	☒	☒	☒	☒	☒	- Chủ rừng và bên khai thác cung cấp thông tin về lô rừng khai thác: diện tích, năm khai thác, sản lượng, chủng loại gỗ, chứng chỉ được cấp - Các chủ thể khác cung cấp thời gian xẻ, chế biến, sản xuất, lắp ráp sản phẩm
13	Cam kết không trồng rừng trên đất có nguồn gốc gây mất rừng và suy thoái rừng	☒						Mẫu cam kết tại Phụ lục 03
14	Cam kết khai báo đúng sản lượng khai thác	☒	☒					Mẫu cam kết tại Phụ lục 03
15	Cam kết tuân thủ pháp luật Việt Nam về thuế và nghĩa vụ tài chính; môi trường, an toàn lao động		☒	☒	☒	☒	☒	Bảng chứng thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong 3 năm liên tục
16	Cam kết tuân thủ quy định pháp luật của nước xuất khẩu						☒	Mẫu cam kết tại Phụ lục 03

TT	Các yêu cầu để đáp ứng quy định EUDR	Chủ rừng	Khai thác	Xưởng xẻ/sơ chế	DN chế biến	DN xuất khẩu	DN nhập khẩu	Hướng dẫn chi tiết
	gỗ							
17	Bộ hồ sơ xuất nhập khẩu					☒		Hợp đồng mua bán với nhà nhập khẩu EU, danh sách hàng hóa, mã vận đơn, tờ khai hải quan, C/O), hóa đơn, v.v.
18	Các tài liệu bổ sung					☒	☒	- Các loại chứng nhận (nếu có): chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm (CoC), chứng nhận về môi trường, chứng nhận về an toàn, vv... - Bảng chứng tuân thủ pháp luật trong sản xuất, kinh doanh: giấy phép kinh doanh, minh chứng nộp thuế 3 năm liên tục; giấy phép phòng cháy, giấy phép môi trường, giấy phép an toàn , vv... (nếu có).

Phụ lục 02: Mẫu giấy cam kết về sử dụng đất lâm nghiệp không có tranh chấp của chủ rừng.
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-LN-KH&HTQT ngày tháng 02 năm 2025 của Cục trưởng Cục Lâm nghiệp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CAM KẾT SỬ DỤNG ĐẤT KHÔNG CÓ TRANH CHẤP
THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT**

Kính gửi: UBND xã/phường/thị trấn.....

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

1. Tên chủ rừng/lô đất:
2. Hoặc tên người đại diện (nếu có):
3. Địa chỉ thường trú/trụ sở chính:
4. Số CCCD/hộ chiếu (nếu là cá nhân): ngày cấp..... nơi cấp.....
5. Số đăng ký doanh nghiệp (chủ rừng là tổ chức):ngày cấp:
6. Số điện thoại: Email:

II. THÔNG TIN VỀ LÔ ĐẤT

1. Thông tin vị trí lô đất: lô.....khoảng.....tiểu khu....., diện tích.....ha
(đa....., diện tích.....Email: .. bổ sung thông tin: t ổ sung thông số thổ đất.....)
2. Thông tin về quyền sử dụng đất

III. HỒ SƠ GỬI KÈM

Hồ sơ gửi kèm là các bản sao có thể nộp bản giấy, ảnh chụp hoặc scan, gồm:

- Thông tin lô đất cần xác nhận: trình bày rõ số thửa, tờ bản đồ số mấy, địa chỉ thửa đất, vị trí tiếp giáp, diện tích sử dụng, thời hạn sử dụng đất còn lại, v.v.
- Trích lục đo đạc của cơ quan bản đồ có chữ ký xác nhận không tranh chấp của các chủ sử dụng đất giáp ranh (nếu có).

Tôi xin cam kết lô rừng được trồng và khai thác trên đất không có tranh chấp, không vi phạm các quy định pháp luật về đất đai, lâm nghiệp và sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai ở trên./.

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ

....., ngày ... tháng năm 202...
NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lưu ý: Giấy cam kết này có hiệu lực trong việc xác nhận sử dụng đất đai không có tranh chấp pháp lý, sử dụng cho khai báo tính hợp pháp theo quy định EUDR, không có giá trị pháp lý trong các trường hợp khác.

Phụ lục 03: Mẫu cam kết tuân thủ EUDR cho các chủ thể theo chuỗi cung
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-LN-KH&HTQT ngày tháng 02 năm 2025
của Cục trưởng Cục Lâm nghiệp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CAM KẾT TUÂN THỦ QUY ĐỊNH KHÔNG GÂY MẤT RỪNG
VÀ SUY THOẢI RỪNG**

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

1. Họ và tên hoặc tên người đại diện (nếu có):
3. Địa chỉ thường trú/trụ sở chính:
4. Số CCCD/hộ chiếu (nếu là cá nhân): Ngày cấp..... Nơi cấp.....
5. Số đăng ký doanh nghiệp (nếu là tổ chức):Ngày cấp:
6. Số điện thoại: Email:

II. THÔNG TIN VỀ VÙNG NGUYÊN LIỆU

1. Thông tin vIN:

- Diện tích lô đấtha⁸
- Danh sách tọa độ địa lý

STT	X	Y	STT	X	Y
1			4		
2			5		
3			...		

2. Thông tin về quyền sử dụng đất của lô rừng hoặc nhà xưởng:

III. HỒ SƠ GỬI KÈM

Hồ sơ gửi kèm là các bản sao có thể nộp bản giấy, ảnh chụp hoặc scan, gồm:

STT	Chủ thể	Hồ sơ gửi kèm
1	Chủ rừng	- Căn cước công dân, Đăng ký kinh doanh, người đại diện pháp luật, thông tin liên lạc - Giấy CNQSDĐ hoặc Quyết định giao đất hoặc Hợp đồng giao /thuê đất trồng rừng nguyên liệu hoặc Giấy cam kết sử dụng đất lâm nghiệp không có tranh chấp được UBND cấp xã xác nhận - Bản sao Phương án khai thác được phê duyệt - Bảng kê lâm sản theo Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản có xác nhận của Cơ quan Kiểm lâm sở tại - Xác nhận nộp thuế/phí sử dụng đất
2	Nhà khai	- Căn cước công dân, Đăng ký kinh doanh, người đại diện pháp luật,

⁸ Nếu diện tích nhỏ hơn 4,0 ha thì điền tọa độ của một điểm trong ranh giới lô đất hoặc tọa độ khép góc (polygon); nếu diện tích lớn hơn 4,0 ha thì điền tọa độ khép góc (polygon)

STT	Chủ thể	Hồ sơ gửi kèm
	thác gỗ	thông tin liên lạc - Giấy CNQSDĐ, Quyết định cấp phép đầu tư gắn với giao quyền sử dụng đất/thuê đất, Quyết định cho thuê đất kinh doanh, Hợp đồng thuê đất/mặt bằng với chủ sử dụng đất, Giấy cam kết sử dụng đất hợp pháp và không tranh chấp được cấp thẩm quyền xác nhận - Hợp đồng mua rừng, phiếu chi hoặc giấy biên nhận - Bản sao Phương án khai thác được phê duyệt - Bảng kê lâm sản theo Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản có xác nhận của Cơ quan Kiểm lâm sở tại - Hồ sơ của từng chủ rừng khai thác gỗ - Bảng chứng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và tài chính
3	Xưởng xẻ/sơ chế	Căn cước công dân, Đăng ký kinh doanh, người đại diện pháp luật, thông tin liên lạc - Giấy CNQSDĐ, Quyết định cấp phép đầu tư gắn với giao quyền sử dụng đất/thuê đất, Quyết định cho thuê đất kinh doanh, Hợp đồng thuê đất/mặt bằng với chủ sử dụng đất, Giấy cam kết sử dụng đất hợp pháp và không tranh chấp được cấp thẩm quyền xác nhận - Hợp đồng mua rừng, phiếu chi hoặc giấy biên nhận - Bảng kê lâm sản theo Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản có xác nhận của Cơ quan Kiểm lâm sở tại - Sổ lâm sản theo Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản - Hợp đồng mua bán với nhà cung cấp, hóa đơn, phiếu nhập-xuất kho - Hồ sơ của từng chủ rừng khai thác gỗ và của tổ chức hoặc cá nhân khai thác gỗ - Bảng chứng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và tài chính

IV. NỘI DUNG CAM KẾT

Nội dung cam kết, gồm:

STT	Chủ thể	Cam kết
1	Chủ rừng	- Cam kết không trồng rừng trên đất có nguồn gốc gây mất rừng và suy thoái rừng - Cam kết không sử dụng lao động trẻ em - Cam kết kê khai sản lượng gỗ khai thác đúng với thực tế
2	Nhà khai thác gỗ	- Cam kết không gây mất rừng trong quá trình khai thác, vận chuyển - Cam kết tuân thủ pháp luật Việt Nam về thuế và nghĩa vụ tài chính - Cam kết tuân thủ pháp luật Việt Nam về môi trường, an toàn lao động

STT	Chủ thể	Cam kết
		- Cam kết tôn trọng văn hóa, tập tục của địa phương; đền bù thỏa đáng nếu xảy ra thiệt hại trong quá trình khai thác, vận chuyển - Cam kết không sử dụng lao động trẻ em
3	Xưởng xe/sơ chế	- Cam kết không gây mất rừng trong quá trình khai thác, vận chuyển, chế biến - Cam kết tuân thủ pháp luật Việt Nam về thuế và nghĩa vụ tài chính - Cam kết tuân thủ pháp luật Việt Nam về môi trường, an toàn lao động - Cam kết tôn trọng văn hóa, tập tục của địa phương; đền bù thỏa đáng nếu xảy ra thiệt hại trong quá trình khai thác, vận chuyển - Cam kết không sử dụng lao động trẻ em

Tôi xin cam kết các hồ sơ đính kèm có đủ điều kiện pháp lý và sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai ở trên./.

....., ngày ... tháng năm 202...

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN CAM KẾT

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 04: Đánh giá mức độ rủi ro và biện pháp giảm thiểu rủi ro ngành hàng gỗ và sản phẩm gỗ
 (Kèm theo Quyết định số /QĐ-LN-KH&HTQT ngày tháng 02 năm 2025 của Cục trưởng Cục Lâm nghiệp)

Thu thập thông tin		Đánh giá rủi ro		Giảm thiểu rủi ro	Chủ rừng	Nhà khai thác	Xưởng xẻ
		Bước 1: Giải trình về hồ sơ gỗ (loài, sản phẩm, chuỗi cung ứng, v.v)					
1. Loài gỗ							
1.1 Gỗ rừng trồng trong nước							
Tên khoa học loài cây: (ví dụ: <i>Acacia mangium</i>) Tên phổ thông: Keo tai tượng		- Rủi ro thấp: Không thuộc Phụ lục CITES, Danh mục đỏ IUCN - Rủi ro xác định: Loài thuộc Phụ lục CITES, danh mục đỏ IUCN		Có giấy phép FLEGT, chứng chỉ CITES, chứng chỉ quản lý rừng bền vững, bảng kê lâm sản có xác nhận của Cơ quan Kiểm lâm sở tại, v.v.	☒	☒	☒
Quốc gia sản xuất: Việt Nam		Rủi ro thấp			☒	☒	☒
Gỗ		- Rủi ro thấp: Gỗ có chứng chỉ gỗ hợp pháp hoặc bảng kê lâm sản có xác nhận của Cơ quan Kiểm lâm sở tại - Rủi ro xác định: Gỗ không có chứng chỉ		Cung cấp bằng chứng mua gỗ có nguồn gốc không gây mất rừng từ chủ rừng, nhà khai thác			☒
Giấy CNQSDĐ hoặc các giấy tờ hợp pháp tại Mục 3.2		- Rủi ro thấp: Có GCNQSDĐ hoặc giấy tờ hợp pháp - Rủi ro xác định: Thiếu Giấy CNQSD đất hoặc		Cung cấp giấy xác nhận sử dụng đất hợp pháp và không có tranh chấp của UBND xã	☒	☒	☒

	giấy tờ hợp pháp tương đương					
Loại rừng	- Rủi ro thấp: Rừng sản xuất là rừng trồng - Rủi ro xác định: Rừng sản xuất là rừng tự nhiên		- Cung cấp phương án quản lý rừng bền vững theo Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững. - Cung cấp bảng kê lâm sản có xác nhận của Cơ quan Kiểm lâm sở tại	☒	☒	
Sự kết hợp giữa loài cây và quốc gia xuất xứ	- Rủi ro thấp: có khả thi - Rủi ro xác định: sự kết hợp giữa loài cây và quốc gia xuất xứ không khả thi		Loài này có thể có nguồn gốc được yêu cầu tương ứng.		☒	☒
Lệnh cấm khai thác hoặc lệnh cấm xuất khẩu được áp dụng cho loài được đánh giá hoặc quốc gia xuất xứ	- Rủi ro thấp: Không có lệnh cấm - Rủi ro xác định: Có lệnh cấm		Có, vui lòng tìm lệnh cấm khai thác/xuất khẩu trong hồ sơ quốc gia		☒	☒
Các giám định khác có thể xác nhận loài cây không?	- Rủi ro thấp: Có. Có thể giám định loại gỗ nào để xác nhận loài được yêu cầu		Kết quả giám định loài gỗ của cơ quan thẩm quyền		☒	☒
Có bằng chứng về việc tuân thủ pháp luật đối với luật lâm nghiệp không?	- Rủi ro thấp: Có, các tài liệu hỗ trợ về hoạt động kinh doanh gỗ tuân thủ luật lâm nghiệp của quốc gia.			☒	☒	☒
1.2 Gỗ nhập khẩu						

Tên khoa học loài cây: (ví dụ: <i>Tectona grandis</i> L.f.) Tên phổ thông: Tách/Giá ty	- Rủi ro thấp: Không thuộc Phụ lục CITES, Danh mục đỏ IUCN - Rủi ro xác định: Loài thuộc Phụ lục CITES, danh mục đỏ IUCN		Có giấy phép FLEGT, chứng chỉ CITES, chứng chỉ quản lý rừng bền vững, bảng kê lâm sản có xác nhận của Cơ quan Kiểm lâm sở tại, v.v.			☒
Quốc gia sản xuất: Quốc gia A/Quốc gia B	- Rủi ro thấp: Quốc gia được xếp hạng rủi ro thấp - Rủi ro xác định: Quốc gia được EU xếp hạng có rủi ro mất rừng		Cung cấp bằng chứng gỗ được khai thác từ khu vực không gây mất rừng tự nhiên			☒
Đơn vị quản lý rừng: Doanh nghiệp có FSC FM/COC	Rủi ro thấp					☒
Tương tự, sử dụng các câu hỏi như phần gỗ rừng trồng trong nước, vv						☒
2. Rủi ro sản phẩm						
Loại thành phần gỗ	- Rủi ro thấp: Gỗ nguyên khối - Rủi ro xác định: Không phải gỗ nguyên khối		Cung cấp bằng chứng chứng minh gỗ được trồng và khai thác từ các khu vực không gây mất rừng và suy thoái rừng			☒
Có thành phần gỗ nào được làm bằng vật liệu composite không?	- Rủi ro thấp: Không có vật liệu tổng hợp nào được sử dụng trong sản phẩm - Rủi ro xác định: Có thành phần được làm từ vật liệu composite					☒
Loại sản phẩm, chuỗi cung ứng	- Rủi ro thấp: Chuỗi cung		Cung cấp đầy đủ bằng chứng		☒	☒

được yêu cầu và thành phần loài được yêu cầu có nguy cơ gia tăng các loài không được yêu cầu trong sản phẩm	ứng gỗ nguyên khối này có nguy cơ thấp về các loài không được khai báo - Rủi ro xác định: Chuỗi cung ứng có nguy cơ về các loài không được khai báo		về các loài khai báo trong chuỗi cung ứng, khối lượng, sản lượng, thời gian trồng, chu kỳ kinh doanh, thời gian khai tác			
Nội dung đánh giá khác?						☒
3. Rủi ro phức tạp của chuỗi cung ứng						
Chuyển đổi sản phẩm của từng chuỗi cung ứng	- Rủi ro thấp: Đồ gỗ nguyên khối hoặc ít bị chuyển đổi qua chuỗi cung ứng - Rủi ro xác định: Sản phẩm bị chuyển đổi nhiều qua chuỗi cung ứng		Cung cấp đầy đủ hồ sơ liên quan tới tính hợp pháp và không gây mất rừng của nguyên liệu sản phẩm			
Số lượng nhà cung cấp trước khi sản phẩm vào thị trường EU	- Rủi ro thấp: Số lượng nhà cung cấp ít - Rủi ro xác định: Số lượng nhà cung cấp nhiều		Cung cấp toàn bộ hồ sơ của các nhà cung cấp trong chuỗi cung ứng			
Có thương nhân nào trong chuỗi cung ứng riêng lẻ này không? Nếu có, thì có bao nhiêu?	- Rủi ro thấp: Không có - Rủi ro xác định: Có thương nhân trong chuỗi		Cung cấp hồ sơ của thương nhân			
Gỗ đã được giao dịch ở nhiều hơn một quốc gia trước khi vào thị trường EU chưa?	- Rủi ro thấp: Gỗ chỉ được giao dịch ở một quốc gia - Rủi ro xác định: Gỗ được giao dịch ở nhiều		Cung cấp hồ sơ truy xuất nguồn gốc chuỗi hành trình sản phẩm			

	quốc gia					
Có sử dụng vật liệu tái chế trong chuỗi cung ứng không?	- Rủi ro thấp: Không sử dụng - Rủi ro xác định: Có sử dụng		Cung cấp tỉ lệ, thành phần các vật liệu sử dụng trong chuỗi cung ứng và hồ sơ liên quan			
Sản phẩm có chứa nhiều hơn một loài gỗ không?	- Rủi ro thấp: Chỉ có 1 loài - Rủi ro xác định: Nhiều hơn một loài		Cung cấp hồ sơ chứng minh hợp pháp và không gây mất rừng của các loài trong sản phẩm			
Sản phẩm có chứa nhiều hơn một nguồn cung không?	- Rủi ro thấp: Một nguồn cung - Rủi ro xác định: Nhiều hơn một nguồn cung		Cung cấp hồ sơ hợp pháp và không gây mất rừng của các nguồn cung			
Trong cùng một thành phần gỗ, có nhiều hơn một nguồn cung không?	- Rủi ro thấp: Một nguồn cung - Rủi ro xác định: Nhiều hơn một nguồn cung		Cung cấp hồ sơ hợp pháp và không gây mất rừng của các nguồn cung			☒
Nội dung đánh giá khác?						
4. Rủi ro của nhà cung cấp						
Có đăng ký kinh doanh hợp pháp cho tất cả các nhà cung cấp trong chuỗi cung ứng không?	- Rủi ro thấp: Các nhà cung cấp có đầy đủ ĐKKD hợp pháp - Rủi ro xác định: Có nhà cung cấp không có ĐKKD		Cung cấp bằng chứng chứng minh nhà cung cấp hoạt động tuân thủ pháp luật quốc gia		☒	☒
Sau khi sàng lọc các nhà cung cấp, có bất kỳ sự cố, vấn đề, hồ sơ tiền án hoặc hồ sơ xử phạt nào được tìm	- Rủi ro thấp: Không phát hiện vấn đề		Cung cấp bằng chứng chứng minh nhà cung cấp đã khắc phục sự cố và không tái vi		☒	☒

thấy đối với bất kỳ nhà cung cấp nào không?	- Rủi ro xác định: Xác định được vấn đề		phạm			
Sản phẩm có được bán cho nhà điều hành kèm theo khiếu nại không?	- Rủi ro thấp: Không có khiếu nại - Rủi ro xác định: Có khiếu nại		Kiểm tra tính xác thực của khiếu nại và xác định giải pháp xử lý của các nhà cung ứng		☒	☒
Sản phẩm có được bán kèm theo khiếu nại trong toàn bộ chuỗi cung ứng không?	- Rủi ro thấp: Không có khiếu nại - Rủi ro xác định: Có khiếu nại		Kiểm tra tính xác thực của khiếu nại và xác định giải pháp xử lý của các nhà cung ứng trong toàn bộ chuỗi			☒
Nhà cung cấp cấp 1 có giữ chứng nhận hợp lệ khi sản phẩm được bán không?	- Rủi ro thấp: Có chứng nhận hợp lệ - Rủi ro xác định: Không có chứng nhận hợp lệ					☒
Khi sản phẩm/vật liệu được bán kèm theo khiếu nại, tất cả các nhà cung cấp có chứng nhận hợp lệ không?	- Rủi ro thấp: Có chứng nhận hợp lệ - Rủi ro xác định: Không có chứng nhận hợp lệ					☒
Sản phẩm/vật liệu có nằm trong phạm vi sản phẩm được chứng nhận (loại, loài, hỗn hợp/100%) không?	- Rủi ro thấp: Có - Rủi ro xác định: Không					☒
Kiểm tra ngày chứng nhận của nhà cung cấp (theo hồ sơ trực tuyến trong FSC/PEFC)	- Rủi ro thấp: Đã kiểm tra - Rủi ro xác định: Chưa kiểm tra		Đề nghị đơn vị chứng nhận kiểm tra và xác nhận			☒
5. Rủi ro về dòng sản phẩm						
Việc chuyển đổi vật liệu dọc theo	- Rủi ro thấp: Có		Xác minh và giải trình về sự			

chuỗi cung ứng có phù hợp với quy trình sản xuất chung của ngành không?	- Rủi ro xác định: Có thể không phù hợp		khác biệt so với quy trình sản xuất chung của ngành, cung cấp bằng chứng chứng minh			
Có đủ vật liệu đầu vào cho sản phẩm đầu ra trên toàn bộ chuỗi cung ứng không?	- Rủi ro thấp: Có - Rủi ro xác định: Không đủ vật liệu đầu vào cho toàn bộ chuỗi cung ứng					
Các tài liệu giao dịch của toàn bộ chuỗi cung ứng có theo thứ tự thời gian không?	- Rủi ro thấp: Theo thứ tự thời gian - Rủi ro xác định: Không theo thứ tự thời gian		Cung cấp các bằng chứng giao dịch thực tế (biên lai giao hàng, phiếu xuất nhập kho, v.v.)			☒
Có thể tìm thấy các loài gỗ đã khai báo trong các tài liệu giao dịch không?	- Rủi ro thấp: Các loài khai báo có đầy đủ bằng chứng - Rủi ro xác định: Không cung cấp đầy đủ bằng chứng về loài khai báo		Thu thập và cung cấp đầy đủ bằng chứng về các loại khai báo			☒
Có thể truy xuất nguồn gốc gỗ thông qua các tài liệu giao dịch được cung cấp cho đến rừng, quốc gia xuất xứ hoặc đơn vị điều hành EU không?	- Rủi ro thấp: Có thể truy xuất nguồn gốc - Rủi ro xác định: Chưa thể truy xuất nguồn gốc		Thu thập và cung cấp các tài liệu truy xuất nguồn gốc			☒
Nội dung đánh giá khác?						☒
6. Rủi ro mất rừng						
Các thửa đất có phù hợp với diện tích, vị trí trên Giấy CNQSDĐ, hợp đồng giao/khoán/thuê đất không?	- Rủi ro thấp: Có - Rủi ro xác định: Không			☒		
Các thửa đất có được pháp luật cho	- Rủi ro thấp: Có		Cung cấp bằng chứng chứng	☒		

phép sử dụng không?	GCNQSDĐ hoặc giấy tờ hợp pháp khác theo Mục 3.2 - Rủi ro xác định: Không có giấy tờ chứng minh QSDĐ		minh đã sử dụng đất hợp pháp, lâu dài (VD. Xác nhận của UBND xã về việc sử dụng đất hợp pháp và không có tranh chấp)			
Các thửa đất có bị mất rừng sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 không?	- Rủi ro thấp: Không - Rủi ro xác định: Có			☒	☒	☒
Bước 2: Giải trình về gỗ được sản xuất phù hợp với pháp luật có liên quan của quốc gia sản xuất⁹ (quyền sử dụng đất, thuế, phí, thương mại, quyền của người lao động, môi trường, vv....)						
1. Quy định về thuế, chống tham nhũng, thương mại và hải quan ☒ Nộp tiền bản quyền, thuế đất đai, lệ phí. ☒ Thanh toán thuế giá trị gia tăng và/hoặc các loại thuế bán hàng/thuế doanh nghiệp/ ☒ Thuế và phí thương mại và/hoặc xuất khẩu ☒ Hối lộ, gian lận và xung đột lợi ích ☒ Không xảy ra tình trạng làm giả dữ liệu, giấy tờ	- Rủi ro thấp: Không có tên trong danh sách công khai thông tin tổ chức, cá nhân kinh doanh có dấu hiệu vi phạm pháp luật về thuế - Rủi ro xác định: Không cung cấp bằng chứng chứng minh tuân thủ		Thu thập và cung cấp thông tin, bằng chứng về việc tuân thủ các nghĩa vụ về thuế, tài chính và pháp luật có liên quan	☒	☒	☒
2. Bảo vệ môi trường	- Rủi ro thấp:		Kiểm tra xem liệu cơ sở/doanh nghiệp có thuộc phạm vi/đối		☒	☒

⁹ Căn cứ Luật Đất Đai, các luật liên quan, Nghị định 102, Thông tư 26 và các VBQPPL liên quan

	+ Có Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc + Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc; + Giấy phép môi trường hoặc; + Quan trắc tự động môi trường. - Rủi ro xác định: Không có các bằng chứng nói trên		tượng phải có Kế hoạch bảo vệ môi trường/Báo cáo ĐTM được phê duyệt, v.v. hay không?			
3. Sức khỏe và an toàn ✓ Tuân thủ các yêu cầu pháp lý liên quan đến sức khỏe và an toàn nghề nghiệp ✓ Người lao động được tiếp cận và sử dụng Thiết bị bảo vệ cá nhân ✓ Sử dụng, ứng dụng, lưu trữ và thải bỏ hóa chất ✓ vv	- Rủi ro thấp: Có kế hoạch vệ sinh an toàn lao động theo quy định của pháp luật; Có chứng chỉ CSR (BSCI, SMETA, v.v...); - Rủi ro xác định: Không có kế hoạch vệ sinh và ATLĐ theo quy định của pháp luật		Thu thập và cung cấp bằng chứng chứng minh không có vi phạm pháp luật về vệ sinh và ATLĐ		☒	☒
4. Quyền con người và quyền lao động ✓ Không có lao động trẻ em và việc tuyển dụng lao động trẻ được quản lý một cách có trách nhiệm	- Rủi ro thấp: + Người lao động có tên trong danh sách bảng lương của doanh nghiệp + Niêm yết công khai thông tin về đóng bảo		- Cung cấp hợp đồng lao động, bằng chứng chi trả tiền công lao động - Cung cấp bằng chứng thực hiện trách nhiệm về BHXH đối với lao động đủ điều kiện	☒	☒	☒

✓ Không sử dụng lao động cưỡng bức và bắt buộc ✓ Tự do lập hội, Quyền tổ chức và Quyền thương lượng tập thể ✓ Hợp đồng và giấy phép lao động, các yêu cầu về chứng nhận năng lực ✓ Tiền lương của người lao động và các khoản thanh toán, bảo hiểm xã hội, vv ✓ Giờ làm việc, giờ làm thêm, thời gian nghỉ ngơi và thời gian nghỉ ✓ Phân biệt đối xử với người lao động ✓ Bình đẳng giới tại nơi làm việc	hiểm xã hội và y tế đối với người lao động theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội + Người lao động là thành viên tổ chức Công đoàn của doanh nghiệp + Sử dụng chứng chỉ CSR nghiệp (BSCI, SMETA, v.v) - Rủi ro xác định: Không cung cấp các thông tin nói trên		- Cung cấp bằng chứng chứng minh lao động được hưởng các quyền lợi theo Luật Lao động, Luật BHXH và các quy định có liên quan			
5. Quyền của bên thứ ba ✓ Quyền của Người dân bản địa: sở hữu và quản lý đất đai ✓ Quyền theo phong tục và quyền cộng đồng	- Rủi ro thấp: Các loại giấy QSDĐ, quyết định giao đất, giao rừng, cho thuê đất, thuê rừng, hợp đồng giao khoán, xác nhận của UBND xã phường, v.v. Sử dụng chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC/PEFC FM-COC, v.v) - Rủi ro xác định: Không		Xác nhận của chính quyền sở tại về việc tuân thủ luật pháp quốc gia và không có tranh chấp, kiện tụng	☒	☒	☒

	cung cấp các giấy tờ nói trên					
6. Thương mại và vận tải ✓ Hoạt động thương mại và vận chuyển sản phẩm ✓ Các hạn chế và lệnh trừng phạt thương mại hiện hành ✓ Xuất khẩu và/hoặc nhập khẩu sản phẩm.	- Rủi ro thấp: + Có hồ sơ trong quá trình mua bán, vận chuyển; chế biến + Bảng kê gỗ theo quy định của pháp luật + Bản sao hồ sơ nguồn gốc gỗ + Đảm bảo hợp đồng, hóa đơn, chứng từ thanh toán qua ngân hàng, biên bản giao nhận hàng hóa, vv có xác nhận giữa các bên. - Rủi ro xác định: Không có các giấy tờ nêu trên				☒	☒
7. Các quy tắc liên quan đến rừng, bao gồm quản lý rừng và bảo tồn đa dạng sinh học, liên quan trực tiếp đến việc khai thác gỗ	- Rủi ro thấp: + Tuân thủ quy định của pháp luật về hồ sơ khai thác gỗ đối với doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ trực tiếp khai				☒	☒

	thác gỗ làm nguyên liệu chế biến + Chấp hành quy định về trình tự, thủ tục khai thác gỗ + Bảng kê gỗ theo quy định của pháp luật + Bản sao hồ sơ nguồn gốc gỗ khai thác + Tuân thủ quy định của pháp luật về hồ sơ gỗ nhập khẩu đối với doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ sử dụng gỗ nhập khẩu làm nguyên liệu chế biến + Bảng kê gỗ theo quy định của pháp luật + Bản sao hồ sơ gỗ nhập khẩu + Sử dụng chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC/PEFC FM-COC,vv) - Rủi ro xác định: Chưa có bằng chứng như trên					
--	--	--	--	--	--	--

Phụ lục 05: Hướng dẫn thu thập tọa độ địa lí hoặc tọa độ khép góc (polygon) theo yêu cầu của EUDR của lô rừng khai thác
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-LN-KH&HTQT ngày tháng 02 năm 2025 của Cục trưởng Cục Lâm nghiệp)

Yêu cầu tọa độ	Định dạng	Mô tả	Minh họa
Tọa độ đơn điểm	Tọa độ địa lí sử dụng hệ thống các số để mô tả vị trí dưới dạng độ thập phân cho vị trí theo chiều đông (kinh độ) và chiều bắc (vĩ độ) với độ chính xác tối thiểu là sáu chữ số thập phân.	Là một điểm tọa độ chỉ vị trí của lô rừng, tọa độ có thể ở vị trí trung tâm hoặc trong ranh giới của lô rừng.	
Tọa độ khép góc (đa điểm)		Tọa độ của toàn bộ các điểm khép góc mô tả chu vi của toàn bộ lô rừng	

Trường hợp 1: Đối với chủ rừng chưa có bản đồ lô rừng (ví dụ các khu vực vườn trồng hộ gia đình hoặc cộng đồng dân cư nhỏ lẻ): Sử dụng thiết bị định vị GPS cầm tay để xác định tọa độ địa lí của lô rừng.

- Đối với lô rừng có diện tích dưới 4,0 ha:

+ Bước 1: Kiểm tra cài đặt GPS đảm bảo sử dụng hệ tọa độ WGS84 và định dạng tọa độ là “decimal degree”.

+ Bước 2: Xác định vị trí điểm cần lấy tọa độ tại cầm máy GPS (đã bật nguồn) đi vào bên trong ranh giới của lô rừng và cách mép ranh giới lô rừng tối thiểu 5,0 m (khuyến cáo nên đứng ở vị trí trung tâm của lô rừng).

+ Bước 3: Kiểm tra tín hiệu các vệ tinh và mức độ sai số trên màn hình máy

GPS, khi máy GPS thu được tín hiệu của ít nhất 3 vệ tinh và sai số dưới 3m thì đạt yêu cầu.

+ Bước 4: Lưu tọa độ điểm vào GPS đồng thời ghi kết quả xác định tọa độ điểm vào sổ ghi chép, kèm theo các thông tin mô tả về lô rừng.

+ Bước 5: Chuyển tọa độ điểm sang định dạng geojson bằng cách nhập tọa độ điểm vào công cụ hoặc phần mềm GIS chuyên dụng để chuyển đổi và lưu kết quả đầu ra dưới định dạng *.geojson.

- Đối với lô rừng có diện tích từ 4,0 ha trở lên:

+ Bước 1: Kiểm tra cài đặt GPS đảm bảo sử dụng hệ tọa độ WGS84 và định dạng tọa độ là “decimal degree”.

+ Bước 2: Xác định các điểm khép góc xung quanh ranh giới lô rừng cần lấy tọa độ lần lượt theo một hướng nhất định (theo chiều kim đồng hồ hoặc ngược chiều kim đồng hồ) đảm bảo khép kín lô rừng.

+ Bước 3: Lấy tọa độ tại mỗi điểm khép góc theo thứ tự đã xác định ở bước 1, bằng cách cầm GPS đứng tại vị trí điểm cần xác định tọa độ, chờ cho GPS thu được tín hiệu của ít nhất 3 vệ tinh và sai số dưới 3m thì đạt yêu cầu.

+ Bước 4: Lưu tọa độ điểm khép góc vào GPS đồng thời ghi kết quả xác định tọa độ điểm vào sổ ghi chép (theo thứ tự đã xác định ở bước 1), kèm theo các thông tin mô tả về điểm.

+ Bước 5: Chuyển tọa độ các điểm khép góc sang định dạng geojson bằng cách nhập tọa độ các điểm khép góc vào công cụ hoặc phần mềm GIS chuyên dụng để chuyển đổi và lưu kết quả đầu ra dưới định dạng *.geojson.

Trường hợp 2: Đối với chủ rừng đã có bản đồ lô rừng dạng số sử dụng phần mềm GIS chuyên dụng (tùy theo định dạng của bản đồ số)

- Đối với lô rừng có diện tích dưới 4,0 ha: thực hiện các bước sau để lấy tọa độ đơn điểm theo định dạng geojson.

+ Bước 1: Mở lô rừng trên phần GIS chuyên dụng, sử dụng công cụ tọa độ để lấy tọa độ tại một điểm nằm bên trong ranh giới lô rừng.

+ Bước 2: Chuyển hệ tọa độ VN2000 sang hệ tọa độ WGS84 bằng cách sử dụng công cụ chuyển hệ tọa độ có sẵn trên phần mềm GIS chuyên dụng.

+ Bước 3: Sử dụng công cụ có sẵn trên phần mềm GIS để tạo 1 điểm nằm bên trong ranh giới lô rừng.

+ Bước 4: Lưu kết quả tạo điểm ở bước 3 sang định dạng *.geojson.

- Đối với lô rừng có diện tích từ 4,0 ha trở lên: thực hiện các bước sau để lấy tọa độ khép góc theo định dạng geojson:

+ Bước 1: Mở lô rừng trên phần GIS chuyên dụng, sử dụng công cụ tọa độ để lấy tọa độ tại một điểm nằm bên trong ranh giới lô rừng.

+ Bước 2: Chuyển hệ tọa độ VN2000 sang hệ tọa độ WGS84 bằng cách sử dụng công cụ chuyển hệ tọa độ có sẵn trên phần mềm GIS chuyên dụng.

dụng công cụ chuyển hệ tọa độ có sẵn trên phần mềm GIS chuyên dụng.

+ Bước 3: Lưu lớp bản đồ lô rừng đã chuyển hệ tọa độ ở bước 2 sang định dạng *.geojson.

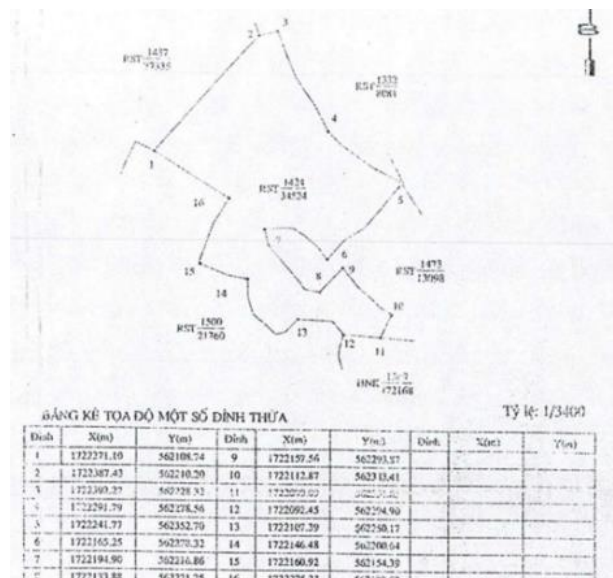
Ví dụ: Ứng dụng phần mềm GEOJSON để chuyển đổi tọa độ

Bước 1: Thu thập cơ sở dữ liệu tọa độ địa lý lô đất sản xuất

- Đề nghị chủ rừng/chủ lâm sản, doanh nghiệp thu thập, cung cấp dữ liệu tọa độ địa lý điểm hoặc ranh giới đa giác của lô đất sản xuất

- Doanh nghiệp tự thu thập hoặc kiểm tra chéo/rà soát dữ liệu được đối tác cung cấp tọa độ địa lý điểm hoặc ranh giới đa giác của lô đất sản xuất

VD:



Bước 2: Chuyển đổi hệ tọa độ VN-2000 sang hệ tọa độ WGS-84

Đối với chủ rừng là doanh nghiệp: Sử dụng các phần mềm chuyên dụng (Mapinfor, QGIS, ArcGIS...) để chuyển đổi tọa độ điểm và tọa độ các điểm đa giác của toàn bộ lô rừng từ VN2000 sang WGS-84 và cập nhật vào hồ sơ thông tin lô rừng theo mẫu

Đối với chủ rừng là cộng đồng dân cư, hộ gia đình:

(Cần hướng dẫn chi tiết cách trích xuất tọa độ 1 điểm cho lô dưới 4 ha hoặc đa điểm với lô trên 4ha; tuy nhiên khuyến khích chủ rừng upload dữ liệu bản đồ vào phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu để tự động trích xuất tọa độ và khai báo thông tin)

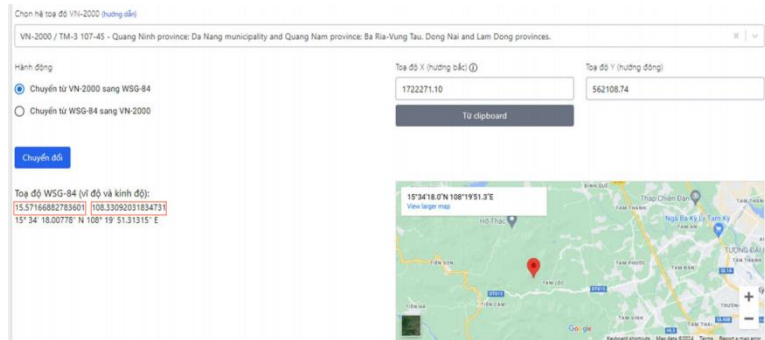
Ngoài ra có thể sử dụng một số công cụ trực tuyến để chuyển đổi tọa độ:

<https://vn2000.vn> hoặc <https://www.landlooking.com/chuyen-doi-vn-2000> hoặc một số website khác, theo trình tự chi tiết như sau.

✓ Chọn tỉnh có lô đất cần chuyển đổi

- ✓ Chọn mục “Chuyển từ VN-2000 sang WGS-84”
- ✓ Nhập tọa độ X, Y của VN-2000
- ✓ Chọn “Chuyển đổi”
- ✓ Copy tọa độ WGS-84 được chuyển đổi

VD:



Bước 3: Ứng dụng phần mềm GeoJson¹⁰

Hiện nay, việc trích xuất toàn bộ tọa độ với lô rừng trên 4ha bằng điện thoại di động chưa được hỗ trợ nên chủ rừng có thể sử dụng các phần mềm chuyên dụng để trích xuất hoặc sử dụng các nền tảng có sẵn:

Sử dụng website <https://geojson.io/#map=2/0/20> theo các trình tự chi tiết dưới đây

- Nhập các điểm tọa độ WGS-84 của lô đất sản xuất vào bản đồ
- Vẽ 1 đa giác mô phỏng trên bản đồ cùng số điểm của đa giác của lô đất
- Nhập kinh độ và vĩ độ của tất cả các đỉnh vào chuỗi tọa độ. Chú ý: điểm đầu và điểm cuối là giống nhau.
- Save as file geojson về máy tính

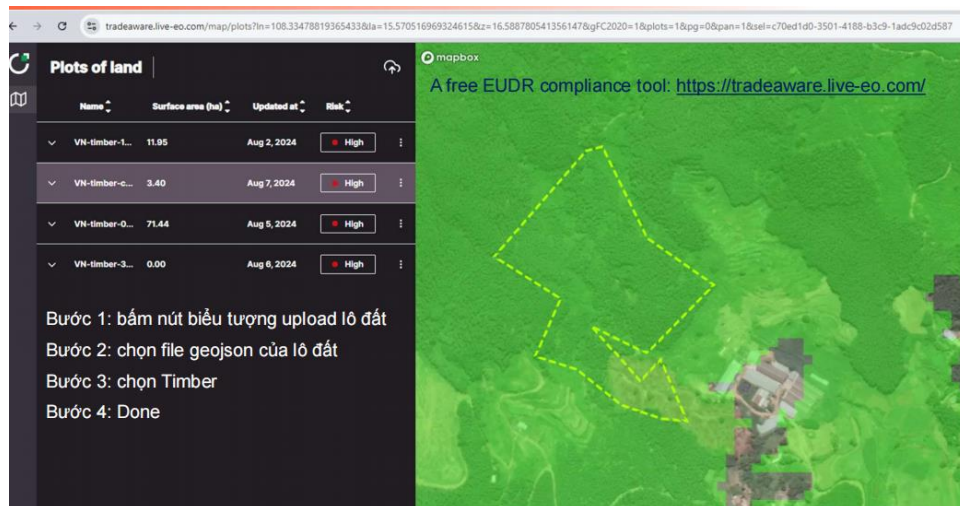
¹⁰ EUDR GeoJson File Description Version 1.2 – dated 04th July 2024, Hướng dẫn tại <https://datatracker.ietf.org/doc/html/rfc7946>



Bước 4: Thể hiện bản đồ của lô đất sản xuất theo tọa độ địa lí điểm hoặc đa giác

Sử dụng website <https://tradeaware.live-eo.com/> theo các trình tự chi tiết dưới đây

- Nhấn nút biểu tượng upload lô đất sản xuất
- Chọn File Geojson của lô đất
- Chọn Timber
- Hoàn thành (Done)



Lưu ý: Có thể thể hiện bản đồ của lô đất sản xuất theo tọa độ địa lí điểm hoặc đa giác trên các công cụ khác như Google Earth, vv....

Tài liệu tham khảo

1. Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES)
2. Luật Bảo vệ Môi trường 2022.
3. Luật Lâm nghiệp 2017.
4. Luật Đa dạng sinh học 2008.
5. Luật Hải quan 2014.
6. Bộ luật Lao động 2019.
7. Luật Trẻ em 2016.
8. Nghị định số 02/CP của Chính phủ ngày 15/01/1994 ban hành bản quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.
9. Nghị định số 01/CP của Chính phủ ngày 04/01/1995 ban hành bản quy định về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước.
10. Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông lâm nghiệp nhà nước.
11. Nghị định số 156/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
12. Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.
13. Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.
14. Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT quy định về quản lý rừng bền vững.
15. Hướng dẫn từng bước cho doanh nghiệp thích ứng EUDR:
<https://forestsforward.panda.org/?14709791/WWF-launches-EUDR-guide-for-business>